

Số: /KH-UBND

Tây Ninh, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2026

Thực hiện Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và Hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số; Kế hoạch số 1383/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2026; Kế hoạch số 873/KH-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh năm 2026; Kế hoạch số 2299/KH-UBND ngày 25/11/2025 của UBND tỉnh thực hiện chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh năm 2026.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về chuyển đổi số, nắm bắt được công nghệ số, có năng lực tổ chức, kỹ năng điều hành thực thi công vụ đáp ứng nhu cầu phát triển chính quyền số.
- Trang bị, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức về chính quyền số, chuyển đổi số; các kỹ năng số cơ bản nhằm hình thành phong cách, lề lối làm việc chuyên nghiệp, hiện đại dựa trên môi trường số, dữ liệu số, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.
- Nâng cao nhận thức chuyển đổi số, trang bị kiến thức, kỹ năng số cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng để lan tỏa đến mọi người dân, thúc đẩy phát triển xã hội số trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Nội dung tập huấn phải phù hợp với đối tượng và tình hình thực tế của tỉnh. Công tác triển khai phải đảm bảo chu đáo, tiết kiệm, hiệu quả.

II. Nội dung thực hiện

1. Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho công chức, viên chức thuộc các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã; Tổ Công nghệ số cộng đồng và xây dựng video học liệu

1.1. Đối tượng: Công chức, viên chức thuộc các Sở, ngành tỉnh

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành tỉnh.
- Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp. Dự kiến trong Quý II/2026.
- Số lượng lớp tập huấn: 01 lớp.
- Số lượng cán bộ tham dự: Khoảng 100 người (6 người/sở, ngành tỉnh).
- Hình thức tập huấn: Trực tiếp.
- Địa điểm tập huấn: Phường Long An.
- Sau khi kết thúc lớp tập huấn, cán bộ tham dự được đánh giá và xác nhận hoàn thành khóa tập huấn.

1.2. Đối tượng: Công chức, viên chức thuộc UBND cấp xã

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: UBND các xã, phường.
- Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp. Dự kiến trong Quý II, III/2026.
- Số lượng lớp tập huấn: 16 lớp (6 xã, phường/lớp).
- Số lượng cán bộ tham dự: Khoảng 800 người (50 người/lớp; 8 người/xã, phường).
- Hình thức tập huấn: Trực tiếp.
- Địa điểm tập huấn: Tại UBND các xã, phường.
- Sau khi kết thúc lớp tập huấn, cán bộ tham dự được đánh giá và xác nhận hoàn thành khóa tập huấn.

1.3. Đối tượng: Tổ Công nghệ số cộng đồng

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: UBND các xã, phường.
- Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp. Dự kiến trong Quý II, III/2026.
- Số lượng lớp tập huấn: 16 lớp (6 xã, phường/lớp).
- Số lượng cán bộ tham dự: Khoảng 1.920 người (120 người/lớp; 20 người/xã, phường).
- Hình thức tập huấn: Trực tiếp.

- Địa điểm tập huấn: Tại UBND các xã, phường.
- Sau khi kết thúc lớp tập huấn, cán bộ tham dự được đánh giá và xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số.

1.3. Xây dựng video học liệu

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường.
- Thời gian: Dự kiến trong Quý II/2026.
- Số lượng: 04 video.
- Nội dung: Tài liệu phục vụ tập huấn trực tuyến và minh họa ứng dụng thực tiễn với tỉnh Tây Ninh về nội dung tập huấn kỹ năng số cho đối tượng tại Mục 1.1 và Mục 1.2.

2. Thuê nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường.
- Thời gian bắt đầu thuê: Dự kiến trong Quý II, III/2026.
- Số lượng người dùng dự kiến: 12.000 người.
- Thời gian thuê: 03 tháng.

III. Kinh phí

1. Tổng kinh phí do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện là **1.921.309.052 đồng** (*Một tỷ, chín trăm hai mươi một triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, không trăm năm mươi hai đồng*); sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ (lĩnh vực chuyển đổi số) đã cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ năm 2026.

2. Các Sở, ngành, địa phương lập dự toán chi tiết, cân đối, sử dụng nguồn kinh phí của cơ quan, địa phương hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo quy định để triển khai tập huấn mở rộng cho các đối tượng tại cơ quan, địa phương được giao theo kế hoạch này.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu, thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ của Kế hoạch này; chuẩn bị các điều kiện cần thiết, phối hợp với các cơ quan, địa phương tổ chức hoàn thành các nội dung của Kế hoạch.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan, địa phương cử nhân sự tham gia đào tạo tập huấn chuyển đổi số, hướng dẫn sử dụng nền tảng số, kỹ năng số, các ứng dụng dùng chung của tỉnh.

- Đảm bảo chi và thanh quyết toán đúng chế độ quy định hiện hành.

2. Các Sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường

- Triển khai Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc nắm để chủ động sắp xếp thời gian, đăng ký cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia các lớp tập huấn do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai.

- Rà soát, cử đúng đối tượng tham gia các lớp tập huấn, diễn tập an toàn thông tin theo Kế hoạch; tổng hợp danh sách, đăng ký tham dự tập huấn theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Ngoài nội dung chương trình tập huấn của tỉnh theo Kế hoạch này, các Sở ngành tỉnh, UBND cấp xã chủ động xây dựng kế hoạch, tăng cường nguồn lực để tập trung triển khai tập huấn nâng cao nhận thức, bổ sung kiến thức về chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số cho CBCCC-CV và thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng thuộc phạm vi quản lý phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, địa phương.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2026; các cơ quan, đơn vị căn cứ Kế hoạch triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. TU; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc VP;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Tấn Hòa

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

TT	Các khoản chi phí	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tập huấn cho Công chức, viên chức thuộc các Sở, ngành tỉnh	Lớp	1	39.744.000	39.744.000	Chi tiết theo Phụ lục II
2	Tập huấn cho Công chức, viên chức thuộc UBND cấp xã	Lớp	16	31.644.000	506.304.000	Chi tiết theo Phụ lục III
3	Tập huấn cho Tổ Công nghệ số cộng đồng	Lớp	16	42.444.000	679.104.000	Chi tiết theo Phụ lục IV
4	Xây dựng video học liệu (4 video)	Video	4	49.039.263	196.157.052	Chi tiết theo Phụ lục V
5	Thuê nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà	Gói	1	500.000.000	500.000.000	
Tổng cộng					1.921.309.052	
Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm hai mươi một triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, không trăm năm mươi hai đồng.						

Phụ lục II
KINH PHÍ TẬP HUẤN CHO CÔNG CHỨC THUỘC CÁC SỞ, NGÀNH TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
1	Chi phí cho báo cáo viên, trợ giảng				13.600.000	
	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	4.000.000	8.000.000	Căn cứ khoản 2, điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính
	Thù lao trợ giảng	Buổi	2	2.000.000	4.000.000	
	Chi phí lưu trú cho báo cáo viên, trợ giảng	Ngày	2	300.000	600.000	Căn cứ khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
	Chi phí phòng nghỉ cho báo cáo viên, trợ giảng	Ngày	2	500.000	1.000.000	Căn cứ khoản 3, Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
2	Chi phí hội trường, thiết bị phục vụ tập huấn				12.700.000	
	Chi phí thuê Hội trường	Ngày	1	10.000.000	10.000.000	
	Standee (các thông tin về lớp tập huấn, thời gian, địa điểm, mã QR quét tài liệu)	Bộ	2	600.000	1.200.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
	Máy chiếu, màn chiếu đa năng phục vụ trình chiếu slide	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	
3	Chi phí cho đại biểu dự tập huấn				10.000.000	
	Chi giải khát giữa giờ (2 buổi/ngày)	Người	100	100.000	10.000.000	Căn cứ Khoản 3, Điều 3 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
4	Chi khác				500.000	
	Nhân sự phục vụ lớp tập huấn	Người	2	250.000	500.000	
	Tổng cộng (1+2+3+4)				36.800.000	
	Thuế VAT (8%)				2.944.000	
	Tổng cộng 01 lớp				39.744.000	

Phụ lục III
KINH PHÍ TẬP HUẤN CHO CÔNG CHỨC THUỘC UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
1	Chi phí cho báo cáo viên, trợ giảng				16.100.000	
	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	4.000.000	8.000.000	Căn cứ khoản 2, điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính
	Thù lao trợ giảng	Buổi	2	2.000.000	4.000.000	
	Chi phí lưu trú cho báo cáo viên, trợ giảng	Ngày	2	300.000	600.000	Căn cứ khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
	Chi phí phòng nghỉ cho báo cáo viên, trợ giảng	Ngày	2	500.000	1.000.000	Căn cứ khoản 3, Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
	Xe di chuyển từ Sở KHCN đến nơi tập huấn và ngược lại	Chuyến	1	2.500.000	2.500.000	
2	Chi phí hội trường, thiết bị phục vụ tập huấn				7.700.000	
	Chi phí thuê Hội trường	Ngày	1	5.000.000	5.000.000	
	Standee (các thông tin về lớp tập huấn, thời gian, địa điểm, mã QR quét tài liệu)	Bộ	2	600.000	1.200.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
	Máy chiếu, màn chiếu đa năng phục vụ trình chiếu slide	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	
3	Chi phí cho đại biểu dự tập huấn				5.000.000	
	Chi giải khát giữa giờ (2 buổi/ngày)	Người	50	100.000	5.000.000	Căn cứ Khoản 3, Điều 3 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
4	Chi khác				500.000	
	Nhân sự phục vụ lớp tập huấn	Người	2	250.000	500.000	
	Tổng cộng (1+2+3+4)				29.300.000	
	Thuế VAT (8%)				2.344.000	
	Tổng cộng 01 lớp				31.644.000	

Phụ lục IV
KINH PHÍ TẬP HUẤN CHO TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
1	Chi phí cho báo cáo viên, trợ giảng				16.100.000	
	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	4.000.000	8.000.000	Căn cứ khoản 2, điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính
	Thù lao trợ giảng	Buổi	2	2.000.000	4.000.000	
	Chi phí lưu trú cho báo cáo viên, trợ giảng	Ngày	2	300.000	600.000	Căn cứ khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
	Chi phí phòng nghỉ cho báo cáo viên, trợ giảng	Ngày	2	500.000	1.000.000	Căn cứ khoản 3, Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
	Xe di chuyển từ Sở KHCN đến nơi tập huấn và ngược lại	Chuyến	1	2.500.000	2.500.000	
2	Chi phí hội trường, thiết bị phục vụ tập huấn				12.700.000	
	Chi phí thuê Hội trường	Ngày	1	10.000.000	10.000.000	
	Standee (các thông tin về lớp tập huấn, thời gian, địa điểm, mã QR quét tài liệu)	Bộ	2	600.000	1.200.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
	Máy chiếu, màn chiếu đa năng phục vụ trình chiếu slide	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	
3	Chi phí cho đại biểu dự tập huấn				10.000.000	
	Chi giải khát giữa giờ (2 buổi/ngày)	Người	100	100.000	10.000.000	Căn cứ Khoản 3, Điều 3 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
4	Chi khác				500.000	
	Nhân sự phục vụ lớp tập huấn	Người	2	250.000	500.000	
	Tổng cộng (1+2+3+4)				39.300.000	
	Thuế VAT (8%)				3.144.000	
	Tổng cộng 01 lớp				42.444.000	

Phụ lục IV
KINH PHÍ TẬP HUẤN CHO TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
1	Chi phí cho báo cáo viên, trợ giảng				16.100.000	
	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	4.000.000	8.000.000	Căn cứ khoản 2, điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính
	Thù lao trợ giảng	Buổi	2	2.000.000	4.000.000	
	Chi phí lưu trú cho báo cáo viên, trợ giảng	Ngày	2	300.000	600.000	Căn cứ khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
	Chi phí phòng nghỉ cho báo cáo viên, trợ giảng	Ngày	2	500.000	1.000.000	Căn cứ khoản 3, Điều 2 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
	Xe di chuyển từ Sở KHCN đến nơi tập huấn và ngược lại	Chuyến	1	2.500.000	2.500.000	
2	Chi phí hội trường, thiết bị phục vụ tập huấn				12.700.000	
	Chi phí thuê Hội trường	Ngày	1	10.000.000	10.000.000	
	Standee	Bộ	2	600.000	1.200.000	
	Máy chiếu, màn chiếu đa năng phục vụ trình chiếu slide	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
3	Chi phí cho đại biểu dự tập huấn				16.500.000	
	Chi giải khát giữa giờ (2 buổi/ngày)	Người	100	100.000	10.000.000	Căn cứ Khoản 3, Điều 3 Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025
	Văn phòng phẩm	Bộ	100	15.000	1.500.000	
	Photo tài liệu tập huấn (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Bộ	100	50.000	5.000.000	
4	Chi khác				500.000	
	Nhân sự phục vụ lớp tập huấn	Người	2	250.000	500.000	
	Tổng cộng (1+2+3+4)				45.800.000	
	Thuế VAT (8%)				3.664.000	
	Tổng cộng 01 lớp				49.464.000	

Phụ lục V
KINH PHÍ XÂY DỰNG VIDEO HỌC LIỆU
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	Mô tả chi tiết	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)		(3)	(4)	(6)	(7)	(8)
1	Video quay ghi hình 05 phút				33.342.600	33.342.600	
	Chi phí nhân công					5.183.800	Vận dụng thể loại phóng sự tài liệu 5 phút của Thông tư 03/2018/TT-BTTTT
	<i>Biên tập viên hạng III 4/9</i>		<i>Công</i>	<i>4,13</i>	<i>440.000</i>	<i>1.817.200</i>	
	<i>Biên tập viên hạng III 6/9</i>		<i>Công</i>	<i>0,21</i>	<i>524.000</i>	<i>110.040</i>	
	<i>Biên tập viên hạng III 8/9</i>		<i>Công</i>	<i>0,16</i>	<i>611.000</i>	<i>97.760</i>	
	<i>Đạo diễn truyền hình hạng III 3/9</i>		<i>Công</i>	<i>1,75</i>	<i>394.000</i>	<i>689.500</i>	
	<i>Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9</i>		<i>Công</i>	<i>0,14</i>	<i>394.000</i>	<i>55.160</i>	
	<i>Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9</i>		<i>Công</i>	<i>0,14</i>	<i>525.000</i>	<i>73.500</i>	
	<i>Kỹ thuật viên 5/12</i>		<i>Công</i>	<i>0,05</i>	<i>350.000</i>	<i>17.500</i>	
	<i>Phát thanh viên hạng II 3/8</i>		<i>Công</i>	<i>0,06</i>	<i>394.000</i>	<i>23.640</i>	
	<i>Phóng viên hạng III 4/9</i>		<i>Công</i>	<i>3,25</i>	<i>438.000</i>	<i>1.423.500</i>	
	<i>Quay phim viên hạng III 4/9</i>		<i>Công</i>	<i>2</i>	<i>438.000</i>	<i>876.000</i>	
	Chi phí máy sử dụng					9.392.900	
	<i>Hệ thống dựng phi tuyến</i>		<i>Giờ</i>	<i>10,42</i>	<i>355.000</i>	<i>3.699.100</i>	

STT	Nội dung	Mô tả chi tiết	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
	Hệ thống phòng đọc		Giờ	0,5	500.000	250.000	
	Máy in		Giờ	0,02	15.000	300	
	Máy quay phim		Giờ	14	315.000	4.410.000	
	Máy tính		Giờ	39,75	26.000	1.033.500	
	Vật liệu sử dụng					15.900	
	Giấy		Ram	0,03	80.000	2.400	
	Mực in		Hộp	0,01	1.350.000	13.500	
	Chi phí sản xuất khác					18.750.000	
-	Phụ cấp lưu trú					3.000.000	
	Biên tập viên hạng III 4/9		ngày	3	250.000	750.000	
	Đạo diễn truyền hình hạng III 3/9		ngày	2	250.000	500.000	
	Kỹ thuật viên 5/12		ngày	2	250.000	500.000	
	Phóng viên hạng III 4/9		ngày	3	250.000	750.000	
	Quay phim hạng III 4/9		ngày	2	250.000	500.000	
-	Thuê phòng nghỉ					2.450.000	
	Biên tập viên hạng III 4/9		đêm	2	350.000	700.000	
	Đạo diễn truyền hình hạng III 3/9		đêm	1	350.000	350.000	
	Kỹ thuật viên 5/12		đêm	1	350.000	350.000	
	Phóng viên hạng III 4/9		đêm	2	350.000	700.000	
	Quay phim hạng III 4/9		đêm	1	350.000	350.000	

STT	Nội dung	Mô tả chi tiết	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
-	Chi phí thuê xe đi lại 07 chỗ (Đi đến các nhà máy thông minh, khu công nghiệp thông minh ở ngoại thành) - bao gồm cả thời gian sản xuất và thời gian di chuyển		Ngày	3	2.500.000	7.500.000	
-	Chuyên gia cố vấn chương trình		Ngày	1	2.000.000	2.000.000	
-	Đóng gói video dạng Scorm		Video	1	1.800.000	1.800.000	
-	Chi phí bản quyền âm nhạc		Video	1	2.000.000	2.000.000	
2	Đồ họa mô phỏng tĩnh			5	2.412.825	12.064.125	
	Trong đó, chi tiết đơn giá 01 đồ họa mô phỏng tĩnh gồm:					2.412.825	
	Chi phí nhân công					380.840	Áp dụng thể loại Đồ họa mô phỏng tĩnh (01.03.12.20.00) theo thông tư 03/2018/TT-BTTTT, đơn giá ngày công tính theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ
	Biên tập viên hạng III 4/9		Công	0,2	440.000	88.000	

STT	Nội dung	Mô tả chi tiết	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
	<i>Biên tập viên hạng III 6/9</i>		<i>Công</i>	<i>0,02</i>	<i>524.000</i>	10.480	công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định 73/2024/NĐ-CP qui định mức lương cơ sở mới áp dụng từ tháng 7/2024
	<i>Kỹ thuật dựng phim hạng II 3/9</i>		<i>Công</i>	<i>0,69</i>	<i>394.000</i>	271.860	
	<i>Kỹ thuật dựng phim hạng II 6/9</i>		<i>Công</i>	<i>0,02</i>	<i>525.000</i>	10.500	
	Máy sử dụng					2.030.315	Áp dụng thể loại Đồ họa mô phỏng tĩnh (01.03.12.20.00) theo thông tư 03/2018/TT-BTTTT, đơn giá thị trường
	<i>Hệ thống dựng đồ họa</i>		<i>Giờ</i>	<i>5,67</i>	<i>355.000</i>	2.012.850	
	<i>Máy in</i>		<i>Giờ</i>	<i>0,003</i>	<i>15.000</i>	45	
	<i>Máy tính</i>		<i>Giờ</i>	<i>0,67</i>	<i>26.000</i>	17.420	
	Vật liệu sử dụng					1.670	
	<i>Giấy</i>		<i>Ram</i>	<i>0,004</i>	<i>80.000</i>	320	
	<i>Mực in</i>		<i>Hộp</i>	<i>0,001</i>	<i>1.350.000</i>	1.350	
	Tổng cộng					45.406.725	
	VAT (8%)					3.632.538	
	Tổng cộng (VAT)					49.039.263	

Phụ lục VI
YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA NỀN TẢNG ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN MỞ ĐẠI TRÀ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Tính năng đào tạo cơ bản, đáp ứng 12.000 tài khoản.

2. Quản trị, vận hành hệ thống:

- Phân quyền, tạo tài khoản, cây tổ chức, gán khóa học.
- Hỗ trợ theo yêu cầu: báo cáo số lượng học viên tham gia học, số lượng học viên hoàn thành khóa học, chưa hoàn thành, tỉ lệ %...

3. Hỗ trợ kỹ thuật:

- Xử lý những vấn đề phát sinh trong vận hành.
- Quản trị phần mềm đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt.
- Phân quyền theo yêu cầu.

4. Hạ tầng dùng chung

- Đáp ứng 10.000 người truy cập đồng thời
 - 1.000 người xem video đồng thời, 8.000 người thi cùng lúc
 - Hạ tầng lưu trữ tối đa 1GB/user HDD cho học liệu và dữ liệu dùng chung./.
-